

ANALYZING AND PERFORMING SOME FOLK - IMBUED SONGS COMPOSED FOR ĐÀN NGUYỆT

Phạm Ngọc Đình

Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: *phamngocdinhh@dvttdt.edu.vn*

Received: 03/11/2021

Reviewed: 08/11/2021

Revised: 10/11/2021

Accepted: 15/11/2021

Released: 20/11/2021

Đàn nguyệt (a two - stringed Vietnamese traditional musical instrument) plays an important role in the traditional stage orchestra of the genres of Chèo, folk songs, Cải lương, Châu văn... Đàn nguyệt can produce rustic sounds with distinctive timbres that reflect many emotional states. In addition to the role of accompaniment, solo and ensemble with ethnic orchestras, đàn nguyệt also performs well with contemporary works. With the hope to exploit the features of đàn nguyệt, some musicians have composed folk songs for this instrument to enrich the musical materials.

Key words: Perform; Folk - imbued songs; Compose; Đàn nguyệt

1. Đặt vấn đề

Trong các tác phẩm độc tấu và hòa tấu cùng dàn nhạc, một số những kỹ thuật đặc biệt của đàn nguyệt luôn được nhiều nhạc sĩ chú trọng. Các tác phẩm phần lớn được viết ở hình thức đơn giản và mang nhiều âm hưởng của dân ca, có Cadenza (tự do solo) để có thể phô diễn kỹ thuật. Với khả năng thể hiện đa dạng về âm sắc cùng rất nhiều kỹ thuật phong phú và độc đáo, đàn nguyệt đảm nhiệm giai điệu chính, đối đáp giai điệu với nhạc cụ khác hoặc đệm hòa thanh đơn giản cho giai điệu.

Để chuyển soạn thành công những ca khúc mang chất liệu dân ca, thang âm điệu thức và giai điệu là những yếu tố cơ bản và là cơ sở để cho tác phẩm đạt được hiệu quả cao trong biểu diễn.

2. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu về tính năng cũng như khai thác các kỹ thuật khi sử dụng đàn nguyệt trong dàn nhạc độc tấu hay hòa tấu đã được nhiều tác giả quan tâm, nghiên cứu trong đó phải kể đến một số công trình tiêu biểu như: “Đàn nguyệt trong một số phong cách nhạc cổ truyền người Việt” luận án tiến sĩ của tác giả Cồ Huy Hùng với nội dung: Tổng quan về nghiên cứu và những vấn đề liên quan tới cây đàn nguyệt, các ngón đàn nguyệt trong phong cách hát văn - nhạc tài tử Nam Bộ và phương pháp thực hiện. Vận dụng kết quả nghiên cứu vào việc giảng dạy cho học sinh, sinh viên đàn Nguyệt tại các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp [8]. Bài viết của tác giả Nguyễn Thị Hoa Lê “Vai trò của đàn nguyệt trong nghệ thuật hát chầu văn” in trong

nội san Trường Đại học Nghệ thuật Nhạc Họa Trung ương (2018) nêu lên đặc điểm, vai trò của đàn nguyệt trong nghệ thuật hát chầu văn, chức năng solo, chức năng hòa tấu, cách thức trình diễn các làn điệu và kỹ thuật đàn nguyệt trong hát chầu văn. Tác giả Hà Trọng Nghĩa trong “Giảng dạy tác phẩm đàn nguyệt tại Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội” đã hệ thống và phân nhóm các tác phẩm viết cho đàn nguyệt theo từng phong cách. Đi sâu phân tích những kỹ thuật được áp dụng trong tác phẩm mới và đưa ra phương pháp giảng dạy có hiệu quả nhất nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy tác phẩm mới cho đàn nguyệt.

Nhìn chung, đã có nhiều công trình nghiên cứu về đàn nguyệt. Trong đó, một số công trình đã nghiên cứu và khai thác tính năng cũng như vai trò, vị trí của đàn nguyệt trong một số các thể loại hình âm nhạc truyền thống như sử dụng đàn nguyệt trong hát chèo, hát văn, hát cải lương... Đây là cơ sở khoa học để tác giả kế thừa và tiếp tục bổ sung trong bài nghiên cứu, điều đáng nói, chưa có công trình nào nghiên cứu vấn đề phân tích và kỹ thuật diễn tấu một số ca khúc mang âm hưởng dân ca.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp, phương pháp tổng hợp, phân tích các công trình nghiên cứu, các tác phẩm âm nhạc mang âm hưởng đậm chất dân ca về tình yêu quê hương, đất nước. Từ đó rút ra tổng kết, đánh giá những đặc điểm liên quan đến thang âm, điệu thức, giai điệu và những kỹ thuật diễn tấu các tác phẩm trên đàn nguyệt.

4. Nội dung nghiên cứu

4.1. Thang âm điệu thức

Thang âm điệu thức là chất liệu làm cơ sở để xây dựng nên tác phẩm. Đây là một trong những bước quan trọng để xác định ca khúc mang âm hưởng vùng miền nào hay thể loại âm nhạc dân gian nào. Những ca khúc được lựa chọn để chuyển soạn đều mang đậm âm hưởng dân ca của từng vùng miền hoặc các thể loại khác nhau. Về điệu thức cơ bản theo hướng các dạng điệu thức truyền thống Việt Nam. Đây là vấn đề cần thiết khi phân tích và diễn tấu những ca khúc mang âm hưởng dân gian [6, tr. 89].

4.2. Giai điệu

Nếu coi thang âm điệu thức là chất liệu, là cơ sở để xây dựng nên tác phẩm thì giai điệu được coi như phần sắp xếp, trình bày các thang âm của điệu thức. Do đó, giai điệu còn gọi là âm điệu hay nét nhạc, giữ một vị trí quan trọng trong âm nhạc, giữ vai trò chủ chốt trong việc thể hiện sắc thái, tình cảm cũng như hỗ trợ rõ nội dung ca từ [6, tr. 95].

Giai điệu trong các ca khúc mang âm hưởng dân ca ít nhiều ảnh hưởng đến ngữ điệu địa phương hay nhịp điệu cơ bản của một thể loại dân ca nào đó. Như vậy, khi phân tích cần chú ý phần âm điệu cùng với nhịp điệu tiết tấu của từng ca khúc. Đây là hai phạm trù riêng nhưng luôn được kết hợp với nhau tạo thành một khối thống nhất để tạo nên được đường nét của giai điệu.

4.3. Phân tích và diễn tấu một số ca khúc mang âm hưởng dân ca được chuyển soạn cho đàn nguyệt

Việc lựa chọn những ca khúc để chuyển soạn là một yếu tố quan trọng, là tiền đề cho các bước tiếp theo để đảm bảo phù hợp. Ca khúc phải mang đậm chất liệu dân ca các vùng miền (Bắc bộ, Trung bộ, Nam bộ). Tính phổ biến của ca khúc phải rộng rãi, quần chúng. Có cấu trúc

đơn giản, cân đối, ngắn gọn, gồm 1, 2 hoặc 3 đoạn đơn. Có giai điệu đẹp, lời ca trong sáng, lành mạnh, ca ngợi tình yêu quê hương đất nước phù hợp với khả năng diễn tấu của đàn nguyệt.

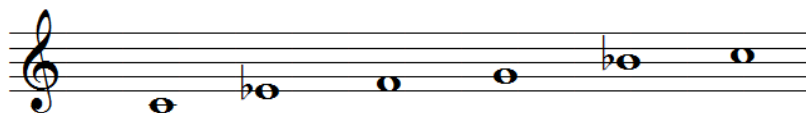
4.3.1. Ca khúc “Về quê”, nhạc và lời: nhạc sĩ Phó Đức Phương

Ca khúc được nhạc sĩ viết năm 1998, mang âm hưởng của dân ca quan họ Bắc Ninh, đậm chất dân gian đồng bằng Bắc Bộ, ca từ mang tính hình tượng gợi nhớ hình ảnh làng quê êm đềm.

Tác phẩm này viết ở hình thức 1 đoạn đơn và có thêm 1 đoạn kết tự do, có ô nhịp lấy đà.

Đoạn (a)			Coda
Câu 1	Câu 2	Câu 3	Kết
6 nhịp	5 nhịp	5 nhịp	

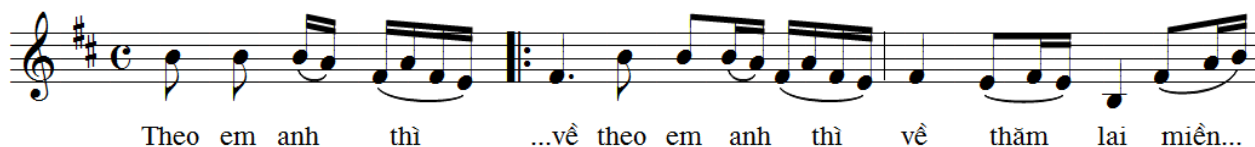
Ca khúc được viết chủ yếu ở điệu Nam, giống với điệu Vũ (trong âm nhạc Trung Hoa)



Trong bài kết hợp sử dụng điệu thức 5 âm: Đô - Mi (giáng) - Fa - Son - Xi (giáng) với điệu thức thứ của âm nhạc phương Tây (Xi thứ) ở nửa cuối của bài. Tuy nhiên, âm hưởng của điệu Nam vẫn là nổi bật.

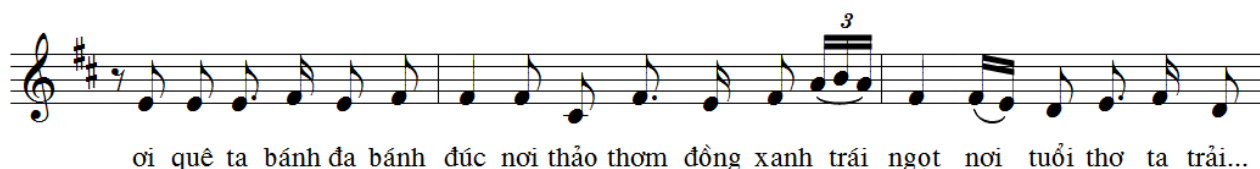
Âm hình chuyển động khá liền bậc khi giai điệu thường xuyên đi quãng 2, quãng 3, có một vài chỗ có bước nhảy xa quãng 4, quãng 5 nhưng thường xuyên xuất hiện ở vị trí chuyển tiết tấu hoặc câu nhạc.

Câu 1 (đoạn a): Trích “Về quê” của Phó Đức Phương [2]




Giai điệu phần mở bài nhẹ nhàng, tình cảm sâu lắng và tốc độ vừa phải. Câu nhạc sử dụng nhiều dấu luyến thủ, lướt, nốt hoa mỹ, rung nhẹ vè và nhấn các nốt Fa – xi,... nốt đơn và kép song nhiều nhưng âm hình chuyển động của giai điệu khá liền bậc, bình ổn tạo ra được tính trữ tình sâu lắng.

Câu 2 (đoạn a): Trích “Về quê” của Phó Đức Phương [2]



Giai điệu nhẹ nhàng, sử dụng những kỹ thuật nhấn nhẹ, mềm mại, vè đều. Kỹ thuật sử dụng nhiều dấu luyến thủ, lướt, nốt hoa mỹ, rung nhẹ vè và nhấn các nốt Fa - Xi, đặc biệt nhấn chùm ba và giạt âm hình nốt kép - tam.

Câu 3 (đoạn a): Trích “Về quê” của Phó Đức Phương [2]

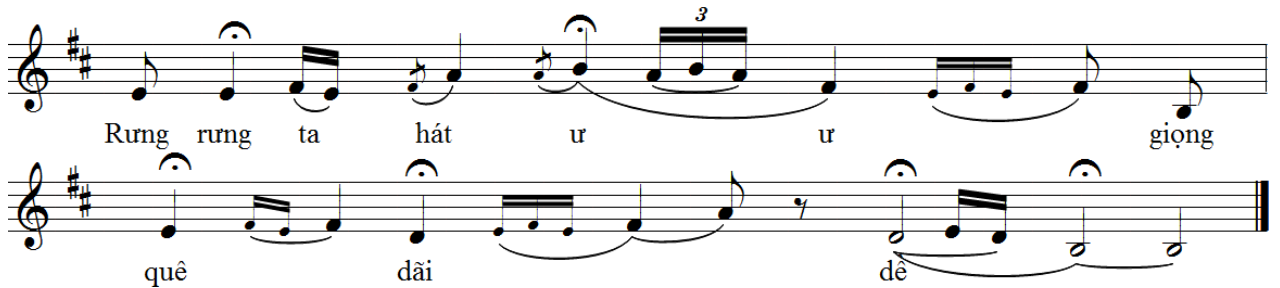


oi quê ta dẫu sương dãi nắng phiên chợ nghèo lều tranh mái xiêu. Kìa dáng ai như dáng...

Cao trào nằm ở câu này nhưng âm cao nhất chỉ tới nốt Rê (ở quãng tám thứ 2). Sử dụng nhiều nhân quãng 2, tô điểm, vẽ đều những nốt trắng. Giai điệu đi đều nhịp 4/4, sử dụng chùm 3 kép, giạt nốt kép và nốt tam tạo điểm nhấn trong lời ca.

Câu kết: Trích “Về quê” của Phó Đức Phương [2]

Câu kết như một câu hát, như một câu nói, một câu chuyện, một hình ảnh và một xúc cảm rất bình dị thân quen mà nhớ nhung sâu lắng,... Nhịp tự do sử dụng rung và nhấn nhiều quãng 2 và 3, vẽ theo tốc độ nhỏ dần để kết bài.



Rung rung ta hát ư ư giọng
quê dãi dề

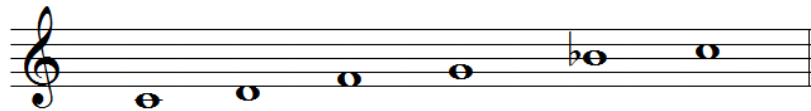
Tác phẩm này sử dụng nhiều kỹ thuật như luyến, láy, nốt hoa mỹ mang âm hưởng dân ca quan họ, tiết tấu khá phức tạp với phách nội, phách ngoại của hát chèo,... Dù vậy, ca khúc *Về quê* vẫn toát lên tính chất âm nhạc mềm mại, mộc mạc, giản dị nhưng rất thiết tha sâu lắng, để lại nhiều cảm xúc cho diễn tấu và người nghe.

4.3.2. Ca khúc “Em đi chùa Hương”, thơ: Nguyễn Nhược Pháp, nhạc: Trung Đức

Được viết ở hình thức 2 đoạn đơn không tái hiện, có nhịp lấy đà và quay lại 1 lần (2 lời).

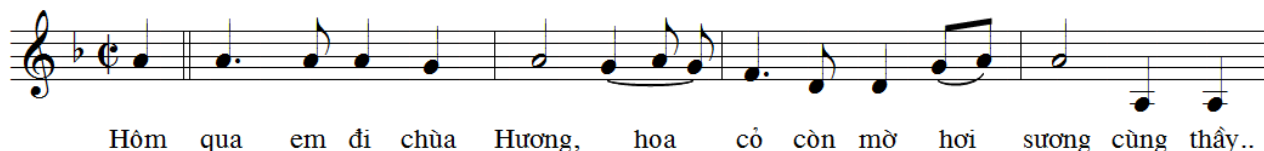
Đoạn (a)		Đoạn (b)	
Câu 1	Câu 2	Câu 1	Câu 2
7 nhịp	10 nhịp	8 nhịp	9 nhịp

Bài này được viết ở điệu thức 5 âm: Đô - Rê - Fa - Son - Xi (giáng) giống với điệu thương (trong âm nhạc Trung Hoa) với thang âm: Rê - Mi - Son - La- Đồ.



Trong ca khúc này, hình ảnh phong cảnh làng quê cũng như địa danh tiêu biểu vùng Bắc bộ hiện lên rất rõ nét. Giai điệu bình ôn, ít thay đổi như đã vẽ nên một bức tranh phong cảnh hữu tình nhưng cũng rất thanh bình, con người ở đây mang vẻ đẹp mộc mạc mà trong sáng tươi mát và nhẹ nhàng, thanh tao.

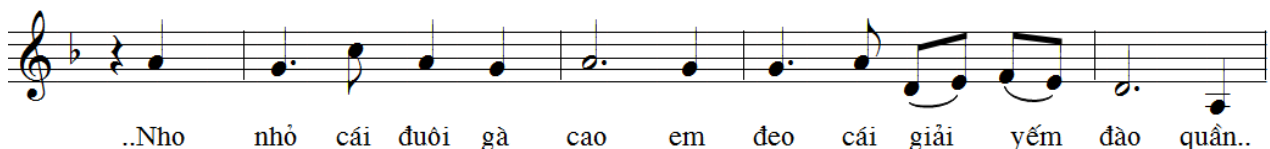
Câu 1 (đoạn a): Trích “Em đi chùa Hương” của Trung Đức [2]



Giai điệu chủ yếu là các bước nhảy quãng 2, quãng 3 trong mỗi tiết nhạc, nhảy quãng xa hơn như quãng 4,5 rất ít nhưng lại xuất hiện nhảy quãng 8 ở giữa 2 tiết nhạc. Kỹ thuật các nốt luyến láy, thêu, lướt và vê đều không nhiều, tạo ra sự giản dị, không cầu kỳ hoa mỹ.

Về nhịp điệu trong ca khúc cũng vậy, mặc dù ghi tốc độ “hoi nhanh” song lại sử dụng nhịp 2/2 nên vẫn thấy được tính chất thông thả, nhẹ nhàng. Phần lớn sử dụng tiết tấu đơn, đen và trắng, rất ít dùng móc kép. Có một số chỗ dùng dấu chấm đôi nhằm thay đổi một chút tính chất của bài, mang lại sự vui tươi, trẻ trung hơn.

Câu 2 (đoạn a): Trích “Em đi chùa Hương” của Trung Đức [2]



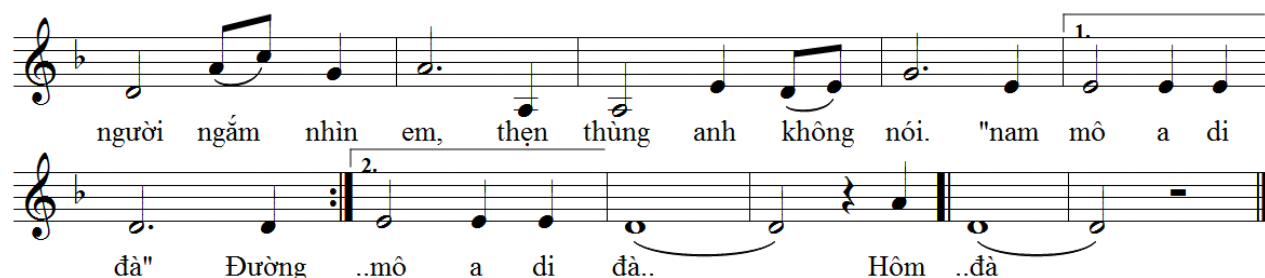
Câu 2 phân giai điệu nhịp vừa phải, tập trung vào nhấn các quãng 2 và 3 sử dụng nhiều dấu luyến quãng, vê nhiều ở nốt đầu nhịp theo mô típ của từng nhịp, các nốt cần rõ ràng, tách biệt.

Câu 1 (đoạn b): Trích “Em đi chùa Hương” của Trung Đức [2]



Sử dụng nhiều các bước nhảy quãng 5, quãng 8. Kỹ thuật tay trái linh hoạt để đảm bảo khi nhảy quãng kết hợp với vê đều ở tay phải để tạo nên duyên giai điệu được tiếp nối đều đặn và không bị vấp.

Câu kết bài: Trích “Em đi chùa Hương” của Trung Đức [2]

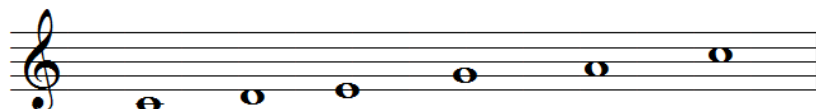


Câu kết là câu niệm phật “Nam mô a di đà” nên giai điệu đi quãng 2 (từ bậc II về bậc I) và tiết tấu nốt đen, trắng tạo sự giản dị, mộc mạc như ca từ và cũng là tạo được một cái kết bài chắc chắn. Kỹ thuật chính chủ đạo vẫn là nhấn lên và xuống các quãng 2, quãng 3 và vê đều các nốt trắng và chấm đôi. Vê giòn nhiều ở các nốt đen chấm đôi và nốt tròn.

4.3.3. Ca khúc “Làng quan họ quê tôi”, thơ: Nguyễn Phan Hách, nhạc: Nguyễn Trọng Tạo
Ca khúc này được viết ở hình thức 2 đoạn đơn, trong đó đoạn b được nhắc lại 2 lần.

Đoạn (a)		Nối	Đoạn (b)		Đoạn (b')	
Câu 1	Câu 2		Câu 1	Câu 2	Câu 1	Câu 2
11 nhịp	11 nhịp	02 nhịp	16 nhịp	11 nhịp	11 nhịp	16 nhịp

Bài được viết ở giọng Rê trưởng vẫn có âm hưởng của điệu thức 5 âm có thang âm: Rê - Mi - Fa(thăng) - La - Xi (giống điệu Cung trong âm nhạc Trung Hoa).



Giai điệu trong ca khúc này có sự chuyển động rõ nét nhưng nhịp nhàng, uyển chuyển. Thường xuyên kết hợp đi quãng 2,3 cho tới các quãng xa hơn như quãng 5,6. Ngoài ra, còn dùng các thủ pháp khác như âm thêu, lướt, luyến, tạo ra sự chuyển động linh hoạt và cho giai điệu mềm mại hơn.

Tiết tấu hay sử dụng là đơn và đen, dấu chấm dôi. Móc kép, móc giạt cũng xuất hiện khá nhiều góp phần tạo ra tính chất tình cảm trong sáng, thiết tha, linh hoạt, gọi tình mà vẫn e ấp của ca khúc.

Câu 1 (đoạn a): Trích “Làng quan họ quê tôi” của Nguyễn Trọng Tạo [2]



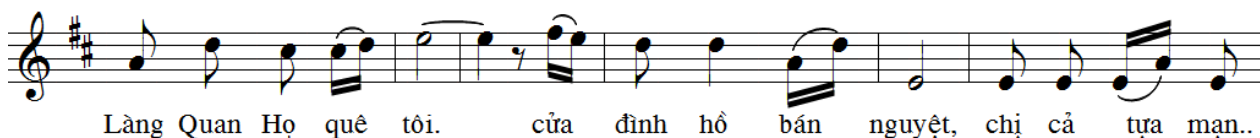
Câu mở đầu, giai điệu nhẹ nhàng, nhấn các quãng 2 và 3 lên xuống liền bậc ở các phách yếu theo mô típ trong nhịp, vẻ giòn và rung các nốt đầu nhịp tạo điểm nhấn cho giai điệu.

Câu 2 (đoạn a): Trích “Làng quan họ quê tôi” của Nguyễn Trọng Tạo [2]



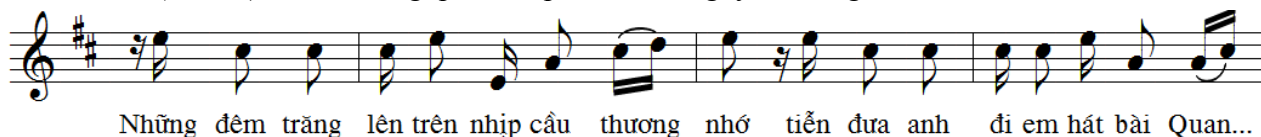
Đặc biệt, trong câu 2 có sử dụng quãng 6 giảm (nốt Xi giáng) tạo cảm giác chơi vơi, mơ màng, xa vắng nhớ thương. Sử dụng kỹ thuật nhấn lên và xuống quãng 2, về đều ở nốt đen chấm dôi. Trong câu này, giai điệu được đẩy lên cao hơn so với câu 1, tiết tấu sử dụng nhiều nốt đơn và kép nên dường như có cảm giác nhịp điệu được đẩy nhanh hơn, tươi vui hơn, sôi động hơn. Tiếng đàn rõ ràng, giòn và ấm, sử dụng kỹ thuật nhảy quãng 8, nhấn nhiều ở các nốt cao, về các nốt trắng và đen chấm dôi.

Câu 1 (đoạn b): Trích “Làng quan họ quê tôi” của Nguyễn Trọng Tạo [2]



Sang đoạn b, giai điệu được đẩy lên cao trào nhảy các quãng xa 3,4,7, âm hình sử dụng đảo phách cân và nhiều nốt kép. Về đều các nốt trắng, thể tay linh hoạt cần rõ nốt đảm bảo đúng tiết tấu .

Câu 2 (đoạn b): Trích“Làng quan họ quê tôi”của Nguyễn Trọng Tạo [2]



Mô típ lặp lại, nhấn mạnh vào đảo phách cân ở đầu nhịp, tốc độ nhanh, nhảy quãng xa, quãng 5, quãng 7 kết hợp với nhấn các nốt kép tạo nét giai điệu khẩn trương và mạnh mẽ.

Câu kết bài: Trích“Làng quan họ quê tôi”của Nguyễn Trọng Tạo [2]



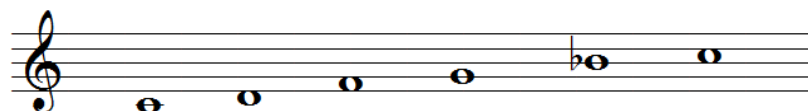
Câu kết khá bình ổn cả về âm hình giai điệu lẫn nhịp điệu, tuy về bậc I nhưng là nốt Rê 2 nên đem lại cho người nghe cảm giác thanh bình, tươi sáng. Kỹ thuật tô điểm mượn nốt nhấn lên và xuống nhanh, kết hợp nhấn và về đều.

4.4.4. *Ca khúc “Đất nước lời ru”, nhạc và lời: Văn Thành Nho*

Bài này viết ở hình thức 2 đoạn đơn, không có phần mở đầu nhưng có phần kết.

Đoạn (a)		Nói	Đoạn (b)		Kết bài
Câu 1	Câu 2		Câu 1	Câu 2	7 nhịp
8 nhịp	8 nhịp	02 nhịp	5 nhịp	10 nhịp	

Ca khúc chủ yếu sử dụng đàn xen hai điệu thức 5 âm. Đoạn (a) là điệu Nam với thang âm: La - Đô - Rê - Mi - Son. Đoạn b sử dụng đàn xen điệu Nam với điệu thức Xuân (giống với điệu Thương trong âm nhạc Trung Hoa) với thang âm La - Xi - Rê - Mi - Son.



Câu 1 của đoạn a có âm vực khá thấp, liên tục có bước nhảy những quãng xa như quãng 4, quãng 5, quãng 6...và nhiều luyến láy. Dù không có dấu hóa trên hóa biểu cũng như dấu hóa bất thường nhưng một số chỗ có xuất hiện nốt Đô* (là ký hiệu nốt có độ cao tương đối giữa Đô thường và Đô thăng - hay được gọi là nốt già trong cách gọi của các nghệ nhân). Nhịp điệu mang âm hưởng của thể loại ca trù nên sử dụng nhiều đảo phách, nhịp lấy đà.

Câu 1 (đoạn a): Trích“Đất nước lời ru”của Văn Thành Nho [2]



Câu đầu vào bài với tính chất âm nhạc như câu 1 nhưng âm vực đã được đẩy lên âm khu trung, sử dụng nhiều dấu luyến và các nốt hoa mỹ, giai điệu nhẹ nhàng, tiếng đàn ấm và vang, tốc độ chậm vừa phải thể hiện rõ sắc thái và tình cảm, về nhẹ và đều các nốt ở đầu ô nhịp.

Câu 2 (đoạn a): Trích “Đất nước lời ru” của Văn Thành Nho [2]



Me Âu Cơ từ xa xưa đi khai thiên lập địa. Lạc

Câu 2 vào nhịp giai điệu tiến hành đều sử dụng nhiều nốt hoa mỹ, với 2 đoạn nhắc lại. Sử dụng nhiều kỹ thuật nhấn vào các nốt đầu nhịp, lướt và về ở nốt cuối đoạn.

Câu 1 (đoạn b): Trích “Đất nước lời ru” của Văn Thành Nho [2]

Âm vực câu 2 được đẩy lên cao và dùng nhiều các kỹ thuật lướt lách, nốt hoa mỹ cũng như dùng nốt Đô, nhấn lên và tô điểm trong quãng 2 để tạo cao trào ngay ở câu này.



Để đất nước mấy rục rờ, một gấm vóc mãi rạng rờ.

Sang đoạn b, tiết tấu cao trào sử dụng các nốt có âm vực cao và nhiều nốt hoa mỹ gồm 2 đoạn nhắc lại giai điệu chính. Kỹ thuật nhấn từ nốt hoa mỹ lên và về nốt chính ở đầu mỗi nhịp.

Câu 2 (đoạn b): Trích “Đất nước lời ru” của Văn Thành Nho [2]



Qua bao gian lao Việt Nam ta, Ôi bao yêu thương Việt nam ta, ngàn

Sang câu 2, âm vực đã hạ thấp hơn và chuyển động theo hướng đi xuống, có thể hiểu như đang giải quyết cao trào từ câu 1. Giai điệu có cảm giác chậm nhưng vẫn theo tốc độ của bài để chuyển về âm chủ. Kỹ thuật nhấn quãng 2 và quãng 4.

Câu kết: Trích “Đất nước lời ru” của Văn Thành Nho [2]



ca Ru... ..la À ơi ơi à
oi. À ơi ơi à oi. À ơi ơ à oi.

Câu kết của tác phẩm đã không còn những quãng nhảy xa nữa, chủ yếu dùng quãng 2, quãng 3 khá bình ổn nhưng vẫn dùng dạng tiết tấu đảo phách như phần trên của ca khúc, đặc biệt sử dụng nhiều nốt hoa mỹ. Đây là một ca khúc sử dụng nhiều kỹ thuật như lướt, lách, nốt hoa mỹ theo, lướt, dùng mượn nốt và đặc biệt là dạng tiết tấu đảo phách, nghịch phách lắng lơ thắm đằm âm hưởng ca trù.

5. Thảo luận

Trong thời gian qua, Đảng và nhà nước đã có nhiều chủ trương nhằm bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống. Đây là một yếu tố quan trọng nhằm thúc đẩy sự phát triển hơn về lĩnh vực âm nhạc nói chung và nhạc cụ truyền thống Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra cũng có rất nhiều thách thức cần được quan tâm đó là :

Thứ nhất, việc sưu tầm và phát triển những ca khúc mang âm hưởng dân ca phong phú hơn nữa của cả ba miền Bắc - Trung - Nam cần được sự quan tâm và khích lệ từ các đơn vị nghệ thuật cũng như các trường đào tạo về nghệ thuật âm nhạc truyền thống.

Thứ hai, khuyến khích các cá nhân và tập thể có hoạt động nghệ thuật tham gia sáng tác, biên soạn, hòa âm, phối khí... phát triển giai điệu dựa trên các làn điệu dân ca theo chủ đề từng vùng miền.

Thứ ba, hàng năm nên tổ chức nhiều các cuộc thi độc tấu, hòa tấu nhạc cụ dân tộc lấy nội dung xây dựng và phát triển từ nguồn dân ca địa phương nhằm tìm ra những tác phẩm hay, có ý nghĩa, nhiều màu sắc khác nhau trong âm nhạc.

Thứ tư, nên đưa các chương trình biểu diễn nghệ thuật âm nhạc truyền thống tới các cơ quan, doanh nghiệp, các trường học của từng địa phương nhằm quảng bá và gìn giữ những giá trị văn hóa của dân tộc.

Công tác đào tạo âm nhạc truyền thống ít được quan tâm nhưng lại là một khâu rất quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của âm nhạc Việt Nam. Chúng ta chỉ quan tâm đến việc đào tạo đội ngũ những người làm nghề, những người trực tiếp tiến hành các hoạt động trong lĩnh vực âm nhạc truyền thống nhưng lại chưa chú ý tới việc đào tạo công chúng, đào tạo khán giả, nhất là trong tình hình âm nhạc phương Tây phát triển như hiện nay đã tạo ra rất nhiều khó khăn, thách thức cho sự tồn vong của âm nhạc truyền thống.

6. Kết luận

Có thể nói, đàn nguyệt là một nhạc cụ truyền thống chủ đạo trong một số loại hình nghệ thuật như hát chầu văn, hát chèo, cải lương... Với âm thanh được tạo nên cùng với những kỹ thuật kết hợp tay phải và tay trái như vê, nhấn, vuốt, chạy ngón kép... đã thể hiện rất thành công các tác phẩm được chuyển soạn từ các bài bản mang âm hưởng đậm chất dân ca. Chính vì thế, trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi đã tập trung lựa chọn một số tác phẩm tiêu biểu với mong muốn tiếp cận kho tàng văn hóa nghệ thuật dân gian một cách hiệu quả và phù hợp nhất, góp phần thúc đẩy sự lan tỏa và đưa âm nhạc dân gian gần gũi với khán giả trong và ngoài nước được nhiều hơn.

Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Văn hóa Thông tin - Viện Âm nhạc (2002), *Hòa tấu đàn nhạc dân tộc đương đại tuyển tập*, NXB Âm nhạc, Hà Nội.

[2]. Đào Ngọc Dung (2000), *Dân ca những làn điệu phát triển: Những bài phối âm, phối bè cho các làn điệu dân ca 3 miền*. NXB Thanh niên, Hà Nội.

[3]. Đặng Xuân Khải (1994), *Sách học đàn Nguyệt*, NXB Âm nhạc, Hà Nội.

[4]. Trần Văn Khê (1962), *Âm nhạc truyền thống Việt Nam*, luận án Tiến sĩ bản dịch tiếng Việt, Thư viện Nhạc viện Hà Nội.

[5]. Trần Quý (2004), *Những vấn đề phối khí cho đàn nhạc dân tộc đương đại*, NXB Viện Âm nhạc, Hà Nội.

[6]. Lê Anh Tuấn (2011), *Điệu thức 5 âm trong dân ca người Việt*, luận án Tiến sĩ Nghệ thuật âm nhạc, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.

[7]. Phạm Phúc Minh (1999), *Tìm hiểu dân ca Việt Nam*, NXB Âm nhạc, Hà Nội.

[8]. Cồ Huy Hùng (2016), *Đàn nguyệt trong một số phong cách nhạc cổ truyền người Việt*, luận án tiến sĩ, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.

PHÂN TÍCH VÀ DIỄN TẤU MỘT SỐ CA KHÚC MANG ÂM HƯƠNG DÂN CA ĐƯỢC CHUYỂN SOẠN CHO ĐÀN NGUYỆT

Phạm Ngọc Đình

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: phamngocdinhd@dvtdt.edu.vn

Ngày nhận bài: 03/11/2021

Ngày phản biện: 08/11/2021

Ngày tác giả sửa: 10/11/2021

Ngày duyệt đăng: 15/11/2021

Ngày phát hành: 20/11/2021

Đàn nguyệt là một nhạc cụ có vị trí quan trọng trong dàn nhạc sân khấu truyền thống của các thể loại hát chèo, dân ca, cải lương, chầu văn... Đàn nguyệt có thể tạo ra những âm thanh mộc mạc với âm sắc đặc thù phản ánh được nhiều trạng thái tình cảm. Ngoài vai trò đệm hát, độc tấu, hòa tấu cùng dàn nhạc dân tộc, đàn nguyệt còn thể hiện tốt những tác phẩm đương đại. Để khai thác thêm nhiều tính năng của cây đàn, một số nhạc sĩ đã chuyển soạn những ca khúc mang âm hưởng dân ca dành riêng cho đàn nguyệt nhằm làm phong phú hơn chất liệu âm nhạc.

Từ khoá: Diễn tấu; Ca khúc mang âm hưởng dân ca; Chuyển soạn; Đàn nguyệt.